

Kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của giáo viên trung học cơ sở và các yếu tố tác động: Nghiên cứu trường hợp giáo viên Lịch sử học bồi dưỡng chuyên môn Địa lí để dạy môn tích hợp ở tỉnh Gia Lai và Tây Ninh

Hà Văn Thắng

Email: thanghv@hcmue.edu.vn
 Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh,
 280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5,
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết khảo sát đánh giá của giáo viên Lịch sử ở trường trung học cơ sở về việc chuẩn bị kiến thức nội dung sư phạm Địa lí để dạy học môn Lịch sử và Địa lí trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cũng như các nhân tố tác động đến việc hình thành và phát triển khối kiến thức này. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng thông qua thiết kế điều tra đối với 177 giáo viên ở Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai, Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh tham gia khóa bồi dưỡng chuyên môn Địa lí. Kết quả cho thấy, bước đầu giáo viên đã có những chuẩn bị nền tảng kiến thức chuyên môn và phương pháp dạy học để đáp ứng với tình hình mới, tuy nhiên mức độ đồng đều của các khối kiến thức nội dung sư phạm Địa lí là không giống nhau và họ còn gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trong quá trình phát triển chuyên môn.

TỪ KHÓA: Kiến thức nội dung sư phạm Địa lí, kiến thức Địa lí, kiến thức sư phạm, Lịch sử và Địa lí.

→ Nhận bài 02/02/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 20/3/2023 → Duyệt đăng 15/4/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310411>

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông, Chương trình môn Lịch sử và Địa lí (cấp Trung học cơ sở) ban hành theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT [1], đã xác định rõ vai trò, chức năng, đặc điểm môn học, mục tiêu giáo dục Lịch sử và Địa lí ở trường trung học cơ sở: Lịch sử và Địa lí cùng với các môn khoa học xã hội khác đóng vai trò chủ đạo trong việc giáo dục nhân sinh quan, thế giới quan, hoàn thiện nhân cách, giáo dục ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước, các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng và những phẩm chất tiêu biểu của công dân toàn cầu [2]; Lịch sử và Địa lí là môn học bắt buộc, được dạy học từ lớp 6 đến lớp 9, gồm các nội dung giáo dục Lịch sử, Địa lí và một số chủ đề tích hợp liên môn [3]. Những định hướng nêu trên đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc thay đổi công tác giáo dục Lịch sử và Địa lí ở trường trung học cơ sở. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là bồi dưỡng, đào tạo kịp thời về đội ngũ giáo viên dạy được môn Lịch sử và Địa lí. Trước mắt là trang bị kiến thức Lịch sử hoặc Địa lí, kiến thức về chương trình, về dạy học tích hợp cho giáo viên Lịch sử, Địa lí đang chỉ được đào tạo và giảng dạy đơn môn. Chương trình bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lí được ban hành kèm quyết định số 2455/QĐ-BGDĐT nhằm đáp ứng yêu cầu trên [4]. Dựa trên khung chương trình, các cơ sở đào tạo giáo viên đã tiến

hành biên soạn, thẩm định và triển khai bồi dưỡng cho nhiều Sở Giáo dục và Đào tạo. Những kết quả ban đầu là tích cực, tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề cần được cải tiến và hoàn thiện.

Trên thế giới, các nghiên cứu liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy học tích hợp Lịch sử và Địa lí có thể kể đến là Jairo Rodríguez - Medina và cộng sự đã đánh giá một chương trình can thiệp (intervention) trong đào tạo giáo viên nhằm cải thiện quá trình dạy và học Lịch sử của giáo viên môn Lịch sử và Địa lí trong trường trung học cơ sở thông qua phương pháp thực nghiệm (kiểm tra trước và sau tác động). Kết quả cho thấy sự cải thiện trong tất cả các khía cạnh sau khi thực hiện, đặc biệt là làm việc nhóm, sử dụng tài nguyên kỹ thuật số...[5]. Nghiên cứu của Delf'n Ortega-s'anchez và cộng sự xem xét các nhận thức về hiệu quả giảng dạy của MOOCs (Massive Open Online Courses - khóa học trực tuyến đại trà, tham gia không giới hạn và truy cập mở qua web) và NOOCs (khóa học trực tuyến có giới hạn) về giáo dục Địa lí và Lịch sử thông qua phân tích hiệu suất trong các khía cạnh năng lực của mô hình TPACK (Technological Pedagogical Content Knowledge - Kiến thức nội dung sư phạm và công nghệ) của các giáo viên. Những người tham gia đã thể hiện mức độ hài lòng tối ưu trên tất cả các khía cạnh năng lực của mô hình đối với việc đào tạo giáo viên, từ đó đưa ra các quyết định giáo dục liên

quan đến các chiến lược thiết kế và triển khai MOOCs và NOOCs [6].

Ở trong nước, những nghiên cứu được tiến hành gần đây để giải quyết thực tế nêu trên có thể kể đến như sau: Nguyễn Thị Phú (2019) đề xuất các “*Giải pháp đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở đáp ứng dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí*” [7]. Hồ Thị Thu Hồ và các cộng sự đã phân tích “*Thực trạng và giải pháp cho dạy học môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở ở tỉnh Cà Mau, theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*”, đồng thời chỉ ra những thuận lợi và khó khăn của giáo viên, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giúp giáo viên thực hiện nhiệm vụ này được thuận lợi và hiệu quả hơn [8]. Về phương diện chương trình và đào tạo, nghiên cứu “*Xây dựng chương trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lí đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông sau 2020*” của Trịnh Thị Quỳnh và Nguyễn Thị Yên, (2019). Chương trình này được xây dựng trên quan điểm tích hợp với tỉ lệ hợp lí giữa các mô-đun/ học phần [9]. Tác giả Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Hoài Thu có tiếp cận cụ thể hơn về “*Xây dựng các chuyên đề Địa lí để bồi dưỡng cho giáo viên Lịch sử cấp Trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*” [10].

Nghiên cứu này vận dụng cách tiếp cận của các công bố trước đó để tìm hiểu về thực trạng kiến thức nội dung sư phạm Địa lí (PCK-G) của giáo viên Lịch sử học bồi dưỡng để giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí ở trường trung học cơ sở, đồng thời phân tích những yếu tố tác động đến sự hình thành và phát triển khối kiến thức này. Kết quả nghiên cứu cung cấp một đánh giá trường hợp về mức độ đáp ứng chuyên môn và nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên dạy môn tích hợp (Lịch sử và Địa lí) trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở trường trung học cơ sở.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của giáo viên và các yếu tố ảnh hưởng

2.1.1. Kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của giáo viên

Kiến thức nội dung sư phạm Địa lí (PCK-G: Pedagogical Content Knowledge for Geography) là nền tảng kiến thức cần thiết cho giáo viên Địa lí để họ đạt được hiệu quả dạy học bộ môn và đáp ứng nhu cầu nhận thức của người học [11]. Theo Martin, kiến thức nội dung sư phạm Địa lí là sự kết hợp giữa kiến thức bộ môn Địa lí và kiến thức sư phạm [12], bao gồm 7 định hướng cơ bản [13]. Trên cơ sở vận dụng các quan điểm của các tác giả nước ngoài và lí luận dạy học Địa lí ở trong nước, trong nghiên cứu này, kiến thức nội dung sư phạm Địa lí bao gồm:

Kiến thức Địa lí, được quan niệm theo nghĩa rộng bao

gồm kiến thức, kĩ năng Địa lí và động lực học tập và giảng dạy Địa lí, trong đó: *Kiến thức Địa lí (nghĩa hẹp)* bao gồm: các khái niệm Địa lí, các mối liên hệ, quan hệ nhân quả và tương hỗ, các quy luật Địa lí [14] và quan điểm Địa lí (quan điểm không gian và quan điểm sinh thái) [15]. *Kĩ năng Địa lí* là cách thức sử dụng những công cụ và kĩ thuật cần thiết để có tư duy Địa lí và “làm Địa lí”. Theo Chuẩn quốc gia về Địa lí của Mỹ, 5 kĩ năng giúp học sinh khảo cứu Địa lí bao gồm: 1/ Đặt câu hỏi, 2/ Thu thập thông tin, 3/ Tổ chức thông tin, 4/ Phân tích thông tin, 5/ Trả lời các câu hỏi Địa lí [18]. Các kĩ năng đặc thù bộ môn như kĩ năng bản đồ, kĩ năng sử dụng công cụ Địa lí học, kĩ năng khảo sát thực địa...[3]. Động lực học tập và giảng dạy Địa lí (Geographic drive) là một mức độ nhất định của động cơ khám phá Địa lí, trong đó có mong muốn nghiên cứu các đặc trưng, chức năng và các vấn đề của thế giới xung quanh [16].

Kiến thức sư phạm Địa lí của giáo viên được cấu trúc từ 5 yếu tố như sau [17]:

- *Định hướng giảng dạy địa lí*, là những quan niệm bao quát của giáo viên về dạy học Địa lí, bao gồm: 1) Chú trọng phát triển kiến thức về các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới; 2) Nhấn mạnh việc dạy học những kiến thức đại cương về Trái Đất; 3) Chú trọng dạy về mối quan hệ tương tác và phụ thuộc lẫn nhau giữa xã hội loài người và môi trường; 4) Chú trọng dạy về Địa lí địa phương; 5) Chuyên hướng giáo dục Địa lí sang giáo dục vì sự phát triển bền vững; 6) Dạy học khám phá, khuyến khích học sinh khám phá môi trường xung quanh; 7) Dạy Địa lí góp phần phát triển tư duy tổng hợp.

- *Kiến thức về chương trình bộ môn Địa lí*, là khối kiến thức về đặc điểm môn học, mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt, định hướng về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục [3].

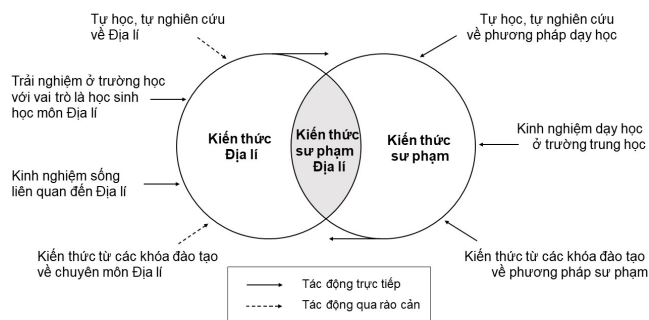
- *Kiến thức về sự hiểu biết Địa lí của học sinh*, là sự am hiểu của giáo viên về kiến thức và quá trình nắm kiến thức của học sinh để từ đó có những tác động phù hợp trong chiến lược giảng dạy.

- *Kiến thức về các chiến lược giảng dạy phù hợp*, là sự hiểu biết về khả năng sử dụng và kết hợp các phương pháp để giúp học sinh đạt được mục tiêu trong học tập Địa lí. *Kiến thức về chiến lược giảng dạy địa lí nói chung* bao gồm kiến thức về những phương pháp, cách thức thường được sử dụng cho dạy học Địa lí... *Kiến thức về chiến lược giảng dạy theo chủ đề* đề cập đến kiến thức của giáo viên về các chiến lược dạy học giúp học sinh hiểu các khái niệm và chủ đề địa lí cụ thể.

- *Kiến thức về đánh giá trong dạy học Địa lí*, là kiến thức về các lĩnh vực cần đánh giá trong quá trình học tập Địa lí của học sinh và kiến thức về các phương pháp đánh giá những lĩnh vực đó [15].

2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của giáo viên

Fran Martin trong nghiên cứu: *Nền tảng kiến thức cho giảng dạy hiệu quả: Sự phát triển của những giáo viên Địa lí mới vào nghề* đã chỉ ra rằng: Những yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức Địa lí và kiến thức sư phạm từ đó ảnh hưởng đến kiến thức sư phạm chuyên môn của giáo viên Địa lí [12]. Đối với kiến thức Địa lí, kiến thức được trang bị trong nhà trường, trải nghiệm ở trường học với tư cách là học sinh học tập môn Địa lí và kinh nghiệm sống liên quan đến Địa lí là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp.



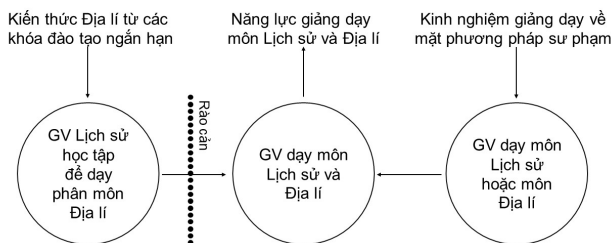
(Nguồn: Phát triển từ mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến kiến thức nội dung sư phạm của giáo viên của Fran Martin [12])

Hình 1: Những yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức sư phạm Địa lí của giáo viên Lịch sử (dạy Lịch sử và Địa lí) ở trường trung học cơ sở

Áp dụng mô hình của Martin (2008) để phân tích kiến thức nội dung sư phạm của giáo viên Lịch sử giảng dạy phân môn Địa lí ở trường trung học cơ sở chỉ ra rằng [18]: Kiến thức nền tảng về phương pháp sư phạm được trang bị từ những khóa đào tạo chính thức và các chương trình bồi dưỡng thường xuyên. Trên cơ sở đó, kinh nghiệm dạy học đơn môn (môn Lịch sử hoặc môn học khác) ở trường trung học cơ sở đóng một vai trò rất quan trọng đối với việc phát triển khối kiến thức này. Kiến thức Địa lí được cung cấp chủ yếu từ các khóa học ngắn hạn để bổ sung kịp thời cho việc giảng dạy môn tích hợp trong chương trình mới và quá trình tự học của giáo viên. Bên cạnh đó, kinh nghiệm sống liên quan đến các lĩnh vực của Địa lí học, trải nghiệm việc học tập môn Địa lí khi còn là học sinh cũng góp phần vào vốn kiến thức Địa lí của giáo viên. Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của giáo viên Lịch sử (dạy môn Lịch sử và Địa lí) được trình bày trong Hình 1.

Kiến thức từ các khóa đào tạo ngắn hạn về Địa lí để chuyên hóa thành năng lực giảng dạy phân môn Địa lí, giáo viên gặp phải nhiều rào cản, cụ thể như sau: Thứ nhất, giáo viên chưa thực sự tự tin để thực hành giảng dạy kiến thức, kỹ năng Địa lí cho học sinh trên cơ sở những kiến thức khái quát từ các khóa học. Thứ

hai, phương pháp đặc thù trong giảng dạy Địa lí cũng như chiến lược giảng dạy những nội dung Địa lí cụ thể bao gồm cả kỹ năng Địa lí cũng khiến giáo viên lúng túng bởi một thời gian dài giáo viên chủ yếu dạy đơn môn. Ngoài ra, thời gian học tập ngắn với dung lượng kiến thức lớn cũng là thử thách đối với giáo viên trong khi năng lực tự học, tự nghiên cứu là có giới hạn (xem Hình 2).



Hình 2: Sơ đồ thể hiện những ảnh hưởng tới năng lực giảng dạy Địa lí của giáo viên (Mô phỏng hình thức của bản đồ khái niệm của Fran Martin, 2008)

2.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu là giáo viên dạy môn Lịch sử ở trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai và tỉnh Tây Ninh tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn về Địa lí, với tổng số 255 người. Áp dụng công thức tính mẫu đơn giản của Yamane Taro' với sai số cho phép là ±0,05 (5%), cỡ mẫu tương ứng là 156 giáo viên. Thực tế thu được 177 phiếu đạt yêu cầu, lớn hơn 11,68% so với cỡ mẫu theo lý thuyết.

Công cụ nghiên cứu: Bảng hỏi được thiết kế với những câu hỏi đóng, gồm 2 phần: Phần thông tin người tham gia khảo sát và phần nội dung khảo sát (thực trạng kiến thức nội dung sư phạm Địa lí gồm 26 biến quan sát, các yếu tố tác động đến kiến thức nội dung sư phạm Địa lí gồm 5 biến).

Thang đo được xây dựng dựa trên thang Likert 5 mức độ với các loại hỏi đáp sau: Mức độ sẵn sàng/tự tin; Mức độ tác động; Sự đồng ý, từ 1 đến 5 là từ thấp đến cao về mức độ của từng loại hỏi đáp.

Phân tích dữ liệu: Dữ liệu được thống kê mô tả thông qua độ tập trung với các tham số trung vị (Median) và giá trị trung bình (Mean), độ phân tán thể hiện qua độ lệch chuẩn (SD std. Deviation). Phân tích phương sai một yếu tố (ANOVA) để kiểm định mối liên hệ giữa các biến.

2.3. Kết quả và thảo luận

2.3.1. Đánh giá mức độ sẵn sàng của giáo viên về kiến thức nội dung sư phạm Địa lí

Kết quả cho thấy, giáo viên chưa thực sự tự tin với kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của bản thân khi mà điểm đánh giá trong khoảng từ 3,40 đến 3,65. Trong đó, giáo viên tự tin ở kiến thức sư phạm Địa lí hơn là kiến

Bảng 1: Đánh giá của giáo viên Lịch sử về mức độ sẵn sàng của khối kiến thức Địa lí để chuẩn bị cho việc giảng dạy phân môn Địa lí ở trường trung học cơ sở

Các thành phần của kiến thức Địa lí	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
Kiến thức chuyên ngành Địa lí:	3.49	3.66	0.81239
Kiến thức Địa lí:	3.49	3.75	0.81729
Kiến thức về các khái niệm Địa lí	3.56	4.00	0.844
Kiến thức về các mối liên hệ Địa lí	3.53	4.00	0.886
Kiến thức về các quy luật Địa lí	3.40	3.00	0.867
Kiến thức về các quan điểm Địa lí	3.51	4.00	0.886
Kĩ năng Địa lí:	3.48	3.50	0.84504
Đặt câu hỏi Địa lí, thu thập, tổ chức, phân tích thông tin và trả lời	3.52	4.00	0.853
Kĩ năng đặc thù Địa lí: Kĩ năng bản đồ, dụng cụ Địa lí học...	3.44	4.00	0.910

thức Địa lí với mức điểm trung bình 3.55 so với 3.49 (xem Bảng 1 và Bảng 2).

Đối với kiến thức Địa lí (kiến thức, kĩ năng), mức điểm trung bình giữa các thành phần của kiến thức, kĩ năng Địa lí chênh lệch không đáng kể. Giáo viên cho rằng, họ thiếu tự tin hơn trong mảng kiến thức về các quy luật Địa lí (3,4 điểm) và kĩ năng đặc thù bộ môn (3,44 điểm).

Đối với kiến thức sư phạm Địa lí, không có sự chênh lệch đáng kể về giá trị trung bình giữa 5 thành phần. Ở những thành phần cụ thể, giáo viên tự tin nhiều hơn trong: Kiến thức về dạy học khám phá, khuyến khích học sinh khám phá môi trường xung quanh qua các hoạt động ngoài lớp học; Kiến thức về phương pháp giảng dạy theo chủ đề cụ thể (3,65); Kiến thức về định hướng phương pháp dạy học, giáo dục và đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học (3,62); Kiến thức về mục tiêu chương trình, nội dung và yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù bộ môn (3,61); Kiến thức về các hình

Bảng 2: Đánh giá của giáo viên Lịch sử về mức độ sẵn sàng của khối kiến thức sư phạm Địa lí để chuẩn bị cho việc giảng dạy phân môn Địa lí ở trường trung học cơ sở

Các thành phần của kiến thức sư phạm Địa lí	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
Kiến thức sư phạm Địa lí:	3.55	3.78	0.76892
Định hướng giảng dạy Địa lí:	3.53	3.71	0.78947
Kiến thức về các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới	3.49	4.00	0.827
Kiến thức đại cương về Trái Đất	3.51	4.00	0.840
Kiến thức về mối quan hệ tương tác và phụ thuộc lẫn nhau giữa xã hội loài người và môi trường, phát triển bền vững	3.53	4.00	0.840
Kiến thức về Địa lí địa phương, nhấn mạnh đến các yếu tố văn hóa, nhân văn, các đặc trưng của địa phương	3.56	4.00	0.831
Kiến thức về giáo dục địa lí và chuyển từ giáo dục Địa lí sang giáo dục vì sự phát triển bền vững	3.54	4.00	0.859
Kiến thức về dạy học khám phá, khuyến khích học sinh khám phá môi trường xung quanh	3.65	4.00	0.873
Kiến thức về việc phát triển tư duy tổng hợp cho học sinh thông qua dạy học Địa lí	3.49	4.00	0.899
Kiến thức về chương trình bộ môn Địa lí:	3.58	4.00	0.77193
Kiến thức về đặc điểm môn Lịch sử và Địa lí; phân môn Địa lí trong Chương trình Lịch sử và Địa lí 2018	3.58	4.00	0.837
Kiến thức về mục tiêu chương trình, nội dung và yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù bộ môn	3.61	4.00	0.812
Kiến thức về định hướng phương pháp dạy học, giáo dục và đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học	3.62	4.00	0.839
Kiến thức về sự phát triển của chương trình giáo dục Địa lí từ tiểu học đến trung học cơ sở và trung học phổ thông	3.54	4.00	0.790
Kiến thức về sự hiểu biết Địa lí của học sinh:	3.54	4.00	0.81684
Sự hiểu biết về kiến thức Địa lí đã có của học sinh và tâm thế khi các em tham gia vào các bài học mới	3.51	4.00	0.860
Hiểu biết về những khó khăn học sinh gặp phải trong học tập Địa lí	3.58	4.00	0.837
Kiến thức về các chiến lược giảng dạy phù hợp:	3.55	3.75	0.81281
Sử dụng những phương pháp đặc trưng cho môn Địa lí như phương pháp sử dụng bản đồ, biểu đồ, thực địa...	3.54	4.00	0.853
Vận dụng những phương pháp dạy học chung vào dạy học phân môn Địa lí như giảng giải, đàm thoại, trực quan...	3.49	4.00	0.873
Kiến thức về phương pháp dạy học theo chủ đề cụ thể, ví dụ, các cách thức dạy học giúp học sinh hiểu các khái niệm	3.65	4.00	0.840
Cách thức kết hợp các phương pháp dạy học chung và phương pháp cụ thể trong dạy học Địa lí	3.54	4.00	0.879

Các thành phần của kiến thức sư phạm Địa lí	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
Kiến thức về đánh giá trong dạy học Địa lí:	3.57	4.00	0.79903
Các khía cạnh đánh giá kết quả học tập Địa lí của học sinh	3.54	4.00	0.832
Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập trong dạy học Địa lí	3.60	4.00	0.814
Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập trong dạy học Địa lí	3.60	4.00	0.814

thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập trong dạy học Địa lí (3,60); Kiến thức về đặc điểm môn Lịch sử và Địa lí; phân môn Địa lí trong Chương trình Lịch sử và Địa lí 2018; Hiểu biết về những khó khăn học sinh gặp phải trong học tập Địa lí (3,58).

Các thành phần kiến thức trên có mức điểm đánh giá cao có thể được lí giải bởi: Thứ nhất, những kiến thức về chương trình bộ môn, phương pháp giảng dạy và đánh giá giáo viên được tiếp cận nhiều hơn trong các khóa tập huấn về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và các đợt bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn và phương pháp trong từng năm học (tỉ lệ giáo viên tham gia các mô-đun là trên 37,8%); Thứ hai, các lĩnh vực này gắn với thực tiễn, kinh nghiệm giảng dạy nói chung của giáo viên.

2.3.2. Đánh giá tác động của các yếu tố đến kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của giáo viên

a. *Mối liên hệ giữa các hình thức đào tạo, các khóa bồi dưỡng chuyên môn, số năm kinh nghiệm với mức độ tự tin về kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của giáo viên*

- *Mối liên hệ giữa mức độ tự tin về kiến thức nội dung sư phạm Địa lí giữa các nhóm giáo viên ở những hệ đào tạo khác nhau*

Giữa kiến thức Địa lí với các hình thức đào tạo: Chỉ số Sig của Levene test là $0.187 > 0.05$, như vậy phương sai của các nhóm giá trị là đồng nhất, sử dụng bảng ANOVA để phân tích, chỉ số Sig của kiểm định F là $0.007 < 0.05$. Kết luận, có sự khác biệt trung bình giữa các nhóm. Cụ thể, những giáo viên được đào tạo hệ cao đẳng Lịch sử và Địa lí có mức độ tự tin về mặt kiến thức cao nhất (3.90); tiếp đó là giáo viên thuộc hệ đào tạo Cao đẳng ngành Sư phạm tích hợp có môn Lịch sử (3.68); những giáo viên có bằng cử nhân sư phạm Lịch sử, mức độ tự tin thấp hơn (3.39); các hình thức đào tạo khác có điểm trung bình thấp nhất (3.11).

Tương tự, giữa kiến thức sư phạm Địa lí với các hình thức đào tạo: Chỉ số Sig của Levene test là $0.179 > 0.05$, chỉ số Sig của kiểm định F là $0.062 > 0.05$. Kết luận, không có sự khác biệt trung bình giữa các nhóm. Mức độ tự tin về kiến thức sư phạm Địa lí cũng cao hơn so với kiến thức Địa lí ở tất cả các nhóm giáo viên (xem Bảng 3).

- *Mối liên hệ giữa mức độ tự tin về kiến thức nội dung*

Bảng 3: Mức độ tự tin về kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của giáo viên phân theo các hệ đào tạo

Các hệ đào tạo	Số lượng	Giá trị trung bình cộng	
		Kiến thức Địa lí	Kiến thức sư phạm Địa lí
Đại học ngành sư phạm Lịch sử	115	3.39	3.48
Cao đẳng sư phạm tích hợp có môn Lịch sử	27	3.68	3.72
Cao đẳng ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí	25	3.90	3.84
Các hình thức đào tạo khác	10	3.11	3.26
Tổng/ Trung bình	177	3.49	3.55

sư phạm Địa lí với số lượng các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên

Giáo viên trong nghiên cứu tham gia các hình thức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ một cách thường xuyên gồm: Khóa bồi dưỡng giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lí ở trường trung học cơ sở; các đợt bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn và phương pháp từng năm học; tập huấn Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (môđun: 1, 2, 3, 4, 9); các chương trình bồi dưỡng qua mạng chính thức và không chính thức, các chương trình bồi dưỡng khác. Phân phối tỉ lệ như sau: 1 hình thức (37,9%), 2 hình thức (23,2%); 3 hình thức (38,4%). Nghiên cứu này chỉ kiểm định mối liên hệ giữa số lượng hình thức bồi dưỡng chuyên môn giáo viên tham gia với mức độ tự tin về kiến thức nội dung sư phạm Địa lí của họ mà không phân tích nội dung của các khóa bồi dưỡng, cụ thể:

Kiến thức Địa lí và kiến thức sư phạm Địa lí, chỉ số Sig của Levene test là 0.813 và $0.451 > 0.05$, phương sai là đồng nhất, trong bảng ANOVA, chỉ số Sig của kiểm định F là 0.80 và $0.158 > 0.05$. Kết luận, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về trung bình giữa các nhóm giáo viên phân theo số lượng các khóa bồi dưỡng.

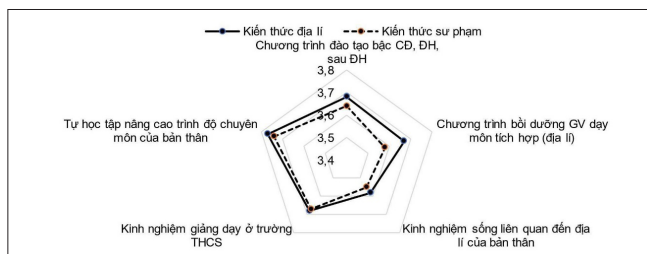
- *Mối liên hệ giữa mức độ tự tin về kiến thức nội dung sư phạm Địa lí với số năm kinh nghiệm dạy học*

Thực hiện tương tự, chỉ số Sig của Levene test của kiến thức Địa lí và sư phạm Địa lí lần lượt là 0.227 và $0.210 > 0.05$, nên phương sai đồng nhất, phân tích bảng

ANOVA cho thấy chỉ số Sig của kiểm định F là 0.02 và $0.003 < 0.005$, kết luận: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về giá trị trung bình giữa các nhóm giáo viên phân theo số năm kinh nghiệm. Nhóm giáo viên công tác trên 20 năm có mức độ sẵn sàng cao nhất cả về kiến thức Địa lí và sự phạm Địa lí, lần lượt 3,84 và 3,87 điểm trung bình. Tiếp đó là nhóm giáo viên kinh nghiệm dưới 5 năm có số liệu này là 3,39 và 3,49; Từ 15 đến dưới 20 năm kinh nghiệm, mức độ tự tin của giáo viên thấp nhất (3,27 và 3,37). Như vậy, ở nhóm giáo viên mới vào nghề và nhóm giáo viên có nhiều năm kinh nghiệm (trên 20 năm) mức độ tự tin về PCK-G cao hơn so với nhóm trung gian (từ 5 - 10, 10 - 15, 15 - 20 năm).

b. Mức độ tác động của các yếu tố đến kiến thức nội dung sự phạm Địa lí của giáo viên

Các yếu tố tác động đáng kể đến việc hình thành và phát triển kiến thức nội dung sự phạm Địa lí cho giáo viên. Với thang đánh giá từ mức 1 điểm “Hoàn toàn không tác động” đến mức 5 điểm “Tác động rất nhiều” điểm trung bình chung của 5 yếu tố là 3,67 đối với kiến thức Địa lí và 3,63 đối với kiến thức sự phạm Địa lí. Dựa vào ý nghĩa của giá trị trung bình khi áp dụng thang đo khoảng cách (ngưỡng 3,41 - 4,2: Đồng ý/hài lòng/nhiều) có thể kết luận: các yếu tố được khảo sát đều tác động nhiều đến việc hình thành kiến thức nội dung sự phạm của giáo viên.



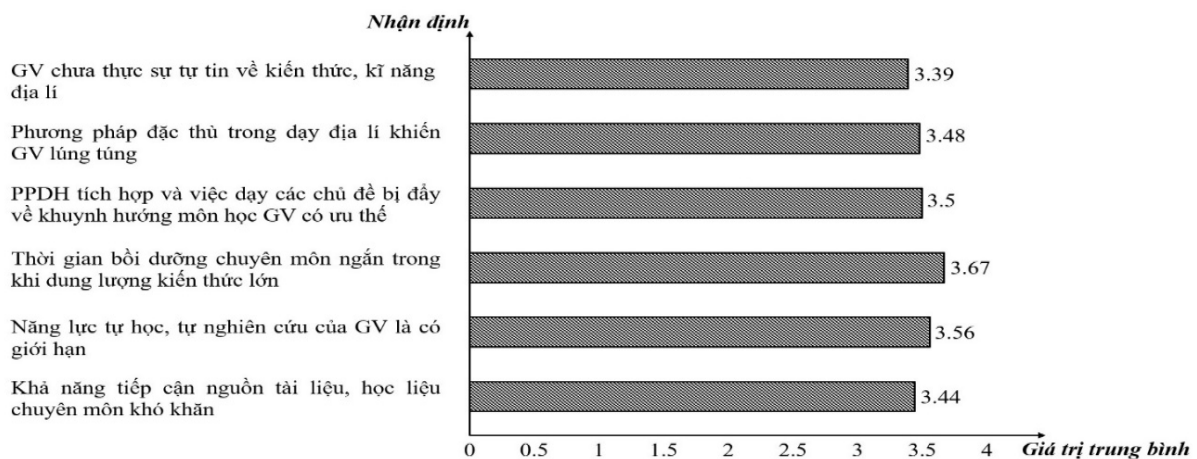
Hình 3: Đánh giá của giáo viên về mức độ tác động của các yếu tố đến kiến thức nội dung sự phạm Địa lí của họ

Nhìn chung, các yếu tố này tác động nhiều hơn đối với kiến thức Địa lí so với kiến thức sự phạm Địa lí, cụ thể như sau: Tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ là yếu tố được giáo viên đánh giá là tác động nhiều nhất đến sự hình thành kiến thức địa lí và kiến thức sự phạm Địa lí của họ, lần lượt là 3,77 và 3,74 điểm trung bình; Tiếp đó là chương trình đào tạo bậc đại học, cao đẳng (3,68 và 3,64), kinh nghiệm giảng dạy ở trường trung học cơ sở (3,68 và 3,67); Kinh nghiệm sống liên quan đến Địa lí của bản thân tác động ít hơn so với các yếu tố còn lại (3,58 và 3,55).

c. Các rào cản đối với việc hình thành và phát triển kiến thức nội dung sự phạm Địa lí của giáo viên

Thời gian bồi dưỡng chuyên môn ngắn trong khi dung lượng kiến thức chuyên ngành và phương pháp giảng dạy nhiều là khó khăn lớn nhất trong nhận định của giáo viên, với điểm trung bình chung là 3,67. Chương trình bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lí có khối lượng tối thiểu 20 tín chỉ với 9 học phần nhưng học bán tập trung trong thời gian khoảng 3 tháng. Những người thiết kế chương trình và giảng viên chỉ có thể cung cấp những định hướng tổng thể của và phát triển kiến thức nội dung sự phạm Địa lí chương trình, môn học và những kiến thức, kĩ năng gắn trực tiếp với nội dung sẽ giảng dạy trong môn Địa lí, làm cơ sở cho việc tự học tự nghiên cứu của giáo viên. Tuy nhiên, giáo viên cũng cho rằng, năng lực tự học, tự nghiên cứu của họ còn nhiều hạn chế (3,65 điểm trung bình) cũng là một trong những khó khăn lớn tác động đến việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

Dạy học tích hợp và các chủ đề tích hợp Lịch sử và Địa lí được đưa vào chương trình cũng tạo ra những khó khăn nhất định đối với giáo viên khi mà họ đã quá quen với dạy học đơn môn (3,5 điểm trung bình). Vì thế, các giáo viên có xu hướng đẩy việc dạy các chủ đề này về khuynh hướng môn học mà họ có ưu thế hơn là



Hình 4: Mức độ đồng ý của giáo viên đối với những nhận định về rào cản (khó khăn) tác động đến việc hình thành và phát triển kiến thức nội dung sự phạm Địa lí

Lịch sử hoặc Địa lí mà chưa thực hành giảng dạy các chủ đề tích hợp đúng theo bản chất của nó. Các phương pháp dạy học Địa lí khiến giáo viên lúng túng, nhận định này được đánh giá với mức điểm 3,48 thấp hơn so với các nhận định trên. Điều này cho thấy, về mặt phương pháp, giáo viên ít gặp khó khăn hơn vì họ đã có kinh nghiệm giảng dạy. Thực tế trên tương tự với nhận định về khó khăn liên quan đến nguồn học liệu (3,44 điểm trung bình). Tuy nhiên, so với giả thuyết ban đầu: “Giáo viên chưa thực sự tự tin về kiến thức, kỹ năng Địa lí”. Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ đồng ý của giáo viên thấp nhất, có nghĩa là, trên bình diện chung kiến thức bộ môn không phải là nhân tố khó khăn nhất mà họ đang gặp phải (xem Hình 4).

3. Kết luận

Giáo viên chưa thực sự tự tin về kiến thức nội dung sự phạm Địa lí để chuẩn bị cho việc giảng dạy phân môn Địa lí trong Chương trình Lịch sử và Địa lí 2018. Mức độ sẵn sàng cao hơn ở kiến thức sự phạm Địa lí so với kiến thức Địa lí. Các hệ đào tạo, số năm kinh nghiệm, số lượng khóa bồi dưỡng chuyên môn có mối liên hệ nhất định với mức độ tự tin của họ. Các yếu tố được khảo sát tác động nhiều đến việc hình thành và phát triển kiến thức nội dung sự phạm Địa lí, trong đó thời gian đào tạo và khả năng tự học ảnh hưởng nhiều

hơn cả. Từ thực tế trên, các giải pháp được giáo viên đề xuất là:

Về phía giáo viên: Tăng cường thời gian tự học, tự nghiên cứu, đổi mới chuyên môn, kiểm tra - đánh giá, nâng cao trình độ công nghệ thông tin.

Về phía đào tạo: Cung cấp các học liệu chuyên sâu hoặc địa chỉ tìm kiếm tài liệu có chất lượng để giáo viên có điều kiện tự nghiên cứu; Học lí thuyết cần đi với trải nghiệm thực tế để nâng cao năng lực ứng dụng cho người dạy và người học.

Về phía quản lí chuyên môn: Tạo điều kiện để giáo viên có thời gian học tập nâng cao trình độ; Đổi mới công tác tập huấn, bồi dưỡng; Tổ chức những khóa bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo trực tiếp và trực tuyến để giáo viên lĩnh hội được những phương pháp, kiến thức đủ, phù hợp với đối tượng học sinh; Sở Giáo dục và Đào tạo, các cấp ngành liên quan phối hợp để tổ chức các lớp học bồi dưỡng sâu hơn về chuyên môn liên quan đến cả chuyên ngành chính được đào tạo đáp ứng với yêu cầu của chương trình mới; Cải thiện các chính sách cho đội ngũ giáo viên; Đầu tư kinh phí trang bị các phương tiện, điều kiện làm việc. Kết quả của nghiên cứu này là một trong những cơ sở để đề xuất mô hình và biện pháp cụ thể nhằm phát triển năng lực chuyên môn và phương pháp dạy học một cách bền vững cho giáo viên.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông – Môn Lịch sử và Địa lí*.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (21/7/2021), Quyết định số 2455/QĐ-BGDĐT ban hành Chương trình bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lí.
- [5] Rodríguez-Medina, J., Gómez-Carrasco, C. J., Miralles-Martínez, P., & Aznar-Díaz, I, (2020), *An evaluation of an intervention programme in teacher training for geography and history: a reliability and validity analysis*. Sustainability, 12(8), 3124.
- [6] Ortega-Sánchez, D., & Gómez-Trigueros, I. M, (2019), *MOOCs and NOOCs in the training of future geography and history teachers: A comparative cross-sectional study based on the TPACK model*, IEEE Access, 8, 4035-4042.
- [7] Nguyễn Thị Phú, (2019), *Giải pháp đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở đáp ứng dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tập 16, số 1, tr.176-186.
- [8] Hồ Thị Thu Hồ và cộng sự, (2022), *Thực trạng và giải pháp cho dạy học môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở ở tỉnh Cà Mau, theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học
- [9] Trần Thị Quỳnh - Nguyễn Thị Yên, (5/2019), *Xây dựng chương trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lí đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông sau 2020*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, kì 3, tr.10-17.
- [10] Vũ Thị Thanh Hương - Nguyễn Thị Hoài Thu, (5/2019), *Xây dựng các chuyên đề Địa lí để bồi dưỡng cho giáo viên Lịch sử cấp Trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, kì 3, tr.6-9,17.
- [11] Harte W. and Reitano P, (2015), *Pre-service geography teachers' confidence in geographical subject matter knowledge and teaching geographical skills*, Int Res Geogr Environ Educ, số 24(3), tr.223-236.
- [12] Martin F, (2008), *Knowledge bases for effective teaching: Beginning teachers' development as teachers of primary geography*, Int Res Geogr Environ Educ, số 17(1), tr.13-39.
- [13] Hong J.E., Harris J.B., Jo I. et al, (2018), *The Knowledge Base for Geography Teaching (GeoKBT): A Preliminary Model*, W & M ScholarWorks, số 20, tr.26-47.
- [14] Nguyễn Dược - Nguyễn Trọng Phúc, (2012), *Lí luận dạy học Địa lí*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [15] Nguyễn Việt Thịnh - Đỗ Thị Minh Đức, (2019), *Xác định các năng lực đặc thù Địa lí và đánh giá năng lực đạt được của học sinh trong Chương trình Giáo dục phổ*

thông mới, Kì yếu hội nghị Địa lí toàn quốc XI, NXB Thanh niên, tr.1044-1054.

- [16] Favier T, (2011), *Geographic Information Systems in inquiry-based secondary geography education: Theory & Practice*.
- [17] Hà Văn Thắng, (2021), *Vận dụng lí thuyết kiến thức nội dung sư phạm để xác định kiến thức sư phạm Địa lí cho*

sinh viên, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 8, tập 65, tr.175-184.

- [18] Ha Van Thang, (2021), *Factors affecting learning pedagogical content knowledge of students majoring in geography teacher education*, Ho Chi Minh city University of Education, Journal of science, Vol. 18, No. 5,p.923-935.

GEOGRAPHY PEDAGOGICAL CONTENT KNOWLEDGE OF HISTORY AND GEOGRAPHY TEACHERS IN JUNIOR HIGH SCHOOLS AND FACTORS AFFECTING THEIR KNOWLEDGE: A CASE STUDY OF HISTORY TEACHERS PARTICIPATING IN A SHORT COURSE ON INTEGRATING HISTORY AND GEOGRAPHY IN GIA LAI AND TAY NINH PROVINCES

Ha Van Thang

Email: thanghv@hcmue.edu.vn
Ho Chi Minh City University of Pedagogy
280 An Duong Vuong, Ward 4, District 5,
Ho Chi Minh City, Vietnam

ABSTRACT: *This study surveys the self-assessment of History teachers in junior high schools on the preparation of content knowledge about pedagogy of Geography to teach History and Geography according to the 2018 General Education Curriculum, as well as factors affecting their knowledge. Quantitative research methods were used through surveying 177 teachers from Gia Lai and Tay Ninh provinces participating in a short course on integrating History and Geography. The results show that the teachers initially have basic professional knowledge and methods of teaching Geography to respond to new subjects regulated by the 2018 General Education Curriculum. However, the levels of content knowledge components about pedagogy of Geography are not equal. The teachers also face many difficulties and obstacles in their professional development.*

KEYWORDS: *Geography pedagogical content knowledge, geography knowledge, pedagogical content knowledge, History and Geography.*